

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2019/KDTM-ST

Ngày: 30-10-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hà
2. Ông Mai Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2019/TLST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh N.

Địa chỉ: Đường N, ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018)

Ông Nguyễn Xuân Cảnh ủy quyền lại cho ông Lê Quang A – Chức vụ: CB.KHBL - Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N (Theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2019).

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 86/427A, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông A có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần N - ông Lê Quang A trình bày:

Ông Phạm Thế T và Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 08/12/2016 với các nội dung cụ thể như sau: Bên cho vay: Ngân hàng thương mại cổ phần N, bên vay: ông Phạm Thế T. Số tiền vay: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô tải kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất cho vay trong hạn: 10,3%/năm, được điều chỉnh hàng quý (vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 04, ngày 01 tháng 7 và 01 tháng 10 hàng năm) theo lãi suất thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần N. Thực tế, việc áp dụng lãi suất vay trong hạn đối với khoản vay của ông Phạm Thế T như sau: Từ ngày 09/12/2016 đến ngày 30/6/2017: lãi suất 10.3%/năm; từ ngày 01/7/2017 đến nay: lãi suất 11%/năm. Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc: hàng tháng và trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng (liên tiếp trong 60 tháng theo lịch trả nợ).

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã giải ngân cho ông Phạm Thế T số tiền 130.000.000 đồng vào ngày 26/12/2016 theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/12/2016 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 08/12/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Phạm Thế T đã ký hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 2016630/HĐTC.BL ngày 08/12/2016 với Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N, tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô tải hiệu DONGBEN biển kiểm soát 60C-322.93, số khung: RM3BACAB4G2103209; số máy: LJ465Q2AE6G09135023; số chỗ ngồi 02; màu xe: Bạc. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 08/12/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 04/4/2017 ông Phạm Thế T đã thanh toán số tiền nợ gốc là 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Kể từ ngày 05/05/2017 đến nay ông Phạm Thế T đã không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Thế T phải trả nợ gốc 127.760.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 39.478.417 (trong

đó tiền lãi trong hạn là 36.657.342 đồng và lãi quá hạn là 2.821.075 đồng). Và toàn bộ các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Phạm Thế T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp, ông Phạm Thế T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Thế T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Phạm Thế T các văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Thế T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ mà không có lý do.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Thế T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N số tiền gốc và lãi, lãi phạt theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp ông T không thanh toán các khoản nợ theo quy định đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ nội dung thỏa thuận tại mục 11.2, Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL thì “ các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện”. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 174, 175, 177 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị

đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Phạm Thế T, mục đích vay là để mua xe ô tô tải kinh doanh và Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thế T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N và ông Phạm Thế T là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã cho ông Phạm Thế T vay số tiền: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô tải kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất cho vay trong hạn: 10,3%/năm, được điều chỉnh hàng quý (vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 04, ngày 01 tháng 7 và 01 tháng 10 hàng năm) theo lãi suất thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần N. Thực tế, việc áp dụng lãi suất vay trong hạn đối với khoản vay của ông Phạm Thế T như sau: Từ ngày 09/12/2016 đến ngày 30/6/2017: lãi suất 10.3%/năm; từ ngày 01/7/2017 đến nay: lãi suất 11%/năm. Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc: hàng tháng và trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng (liên tiếp trong 60 tháng theo lịch trả nợ). Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã giải ngân cho ông Phạm Thế T số tiền 130.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 09/12/2016 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 09/12/2016.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N đã giải ngân cho ông Phạm Thế T số tiền 130.000.000 đồng vào ngày 26/12/2016 theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/12/2016 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 08/12/2016.

Xét việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng tín dụng nói trên và việc áp dụng lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân vốn vay cho ông T đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nên làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông T theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20161017/KHBL ngày 09/12/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 04/4/2017 ông Phạm Thế T đã thanh toán số tiền nợ gốc là 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi

ng nghìn đồng). Kể từ ngày 05/05/2017 đến nay ông Phạm Thế T đã không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng và ông T cũng không làm thủ tục xin gia hạn thời gian trả nợ. Như vậy, ông Phạm Thế T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ quy định tại Điều 5, Điều 9 và của hợp đồng tín dụng đã ký ngày 08/12/2016 và là trường hợp bị coi là sự kiện vi phạm quy định tại Điều 10 của hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc yêu cầu ông Phạm Thế T phải trả nợ gốc 127.760.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 39.478.417 (trong đó tiền lãi trong hạn là 36.657.342 đồng và lãi quá hạn là 2.821.075 đồng). Và toàn bộ các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Phạm Thế T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Phạm Thế T đã ký hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 2016630/HĐTC.BL ngày 08/12/2016 với Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N, tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô tải hiệu DONGBEN biển kiểm soát 60C-322.93, số khung: RM3BACAB4G2103209; số máy: LJ465Q2AE6G09135023. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 08/12/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 2016630/HĐTC.BL ngày 08/12/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N với ông Phạm Thế T có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp lý. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 2016630/HĐTC.BL ngày 08/12/2016 để thu hồi nợ trong trường hợp ông Phạm Thế T không trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc xác định lãi suất quá hạn đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông Phạm Thế T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại luật. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điểm b, khoản 1, Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 174, 175, 177 và Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Ấn lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn – ông Phạm Thế T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Phạm Thế T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/10/2019 là: 167.238.417 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm mười bảy đồng). Trong đó bao gồm:

Nợ gốc là: 127.760.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Nợ lãi trong hạn: 36.657.342 đồng (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).

Nợ lãi quá hạn: 2.821.075 đồng (hai triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp ông T không trả số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 2016630/HĐTC.BL ngày 08/12/2016 là chiếc xe ô tô tải hiệu DONGBEN biển kiểm soát 60C-322.93, số khung: RM3BACAB4G2103209; số máy: LJ465Q2AE6G09135023 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Thế T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phạm Thế T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Phạm Thế T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại là 8.361.920 đồng (tám triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.999.000 đồng (ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000812 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Thế T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang